

4.	Răng- Hàm- Mặt	460	43	43	100
5.	Cơ xương khớp	460	0	0	0
6.	Tâm thần	460	0	0	0
7.	Khác (<i>ghi rõ</i>)				
8.				
Cộng		460	56	56	100

* Tỷ lệ % = Tổng số được điều trị x 100/Tổng số mắc: 100%

Nhận xét: Giáo viên kết hợp với nhà trường tuyên truyền kịp thời tới phụ huynh cho trẻ mắc các bệnh về mắt, hô hấp, rang miệng,...đi điều trị kịp thời tại các cơ sở y tế chuyên khoa và đạt hiệu quả cao.

2.3. Tình hình dịch, bệnh truyền nhiễm

TT	Tên dịch bệnh	Tổng số mắc	Số tử vong	Ghi chú
1.	Tiêu chảy	0	0	
2.	Tay chân miệng	0	0	
3.	Sởi	0	0	
4.	Quai bị	0	0	
5.	Khác (<i>ghi rõ</i>)	0	0	
6.			
Cộng		0	0	

Nhận xét: Trong năm học, nhà trường làm tốt công tác vệ sinh môi trường, phun thuốc khử khuẩn, phòng chống các dịch bệnh truyền nhiễm, đảm bảo vệ sinh ATTP, không có dịch bệnh xảy ra trong nhà trường.

2.4. Sơ cứu, cấp cứu tai nạn thương tích

TT	Loại tai nạn thương tích	Tổng số mắc	Xử trí, chuyển tuyến	Tỷ lệ %
1.	Trượt, ngã	0	0	
2.	Bỏng	0	0	
3.	Đuối nước	0	0	
4.	Điện giật	0	0	
5.	Súc vật cắn	0	0	
6.	Ngộ độc	0	0	
7.	Hóc dị vật	0	0	
8.	Cắt vào tay chân	0	0	
9.	Bị đánh	0	0	
10.	Tai nạn giao thông	0	0	
11.	Khác (<i>ghi rõ</i>)	0	0	
12.			
Cộng		0	0	

* Tỷ lệ % = Số lượng xử trí, chuyển tuyến x 100/ Tổng số mắc

Nhận xét: Trong năm học 2025-2026, nhà trường đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ khi ở trường, không để xảy ra tai nạn thương tích.

2.5. Hoạt động tư vấn sức khỏe

TT	Nội dung tư vấn	Tổng số đối tượng nguy cơ	Số học sinh được tư vấn	Tỷ lệ %
1.	Dinh dưỡng hợp lý	28	28	100
2.	Hoạt động thể lực	25	25	100
3.	Tâm sinh lý	11	11	100
4.	Phòng chống bệnh tật	345	345	100
5.	Phòng chống bệnh tật học đường	345	345	100
6.	Sức khỏe tâm thần	345	345	100
7.	Khác (ghi rõ)	0	0	
8.			

* Tỷ lệ % = Số người được tư vấn x 100/ Tổng số đối tượng nguy cơ: 100%

Nhận xét: Nhà trường đã tư vấn sức khỏe cho 100% phụ huynh có con gặp vấn đề về dinh dưỡng sức khỏe là những trẻ bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi, thừa cân, béo phì. Tổ chức tư vấn cho 100% phụ huynh về chế độ dinh dưỡng hợp lý, các hoạt động thể lực phù hợp với trẻ mầm non, phát triển tâm lý, phòng chống bệnh tật, bệnh tật học đường...bằng các hình thức khác nhau như tư vấn trực tiếp hoặc gián tiếp như thể hiện ở góc tuyên truyền cha mẹ, trên trang zalo các nhóm lớp, đăng bài thông tin truyền thông trên website, facebook của nhà trường. Bên cạnh đó, giáo viên thường xuyên tư vấn cho học sinh cách ăn uống hợp vệ sinh, đủ dinh dưỡng, rèn luyện thể lực, bảo vệ sức khỏe và phòng chống bệnh tật học đường...trong các giờ hoạt động hàng ngày như đón trẻ trẻ, giờ ăn, hoạt động học...Chính vì vậy, hoạt động tư vấn sức khỏe đã đạt hiệu quả cao, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân cuối năm giảm còn 0,4%; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thấp còi giảm còn 0,6%; tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì giảm còn 0,4% so với đầu năm học.

2.5. Tổ chức bữa ăn học đường

- Trường có tổ chức ăn bán trú/nội trú: Có không

- Xây dựng thực đơn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý: Có không

Nhận xét: Nhà trường có tổ chức nuôi ăn bán trú cho trẻ, năm học 2025-2026 100% trẻ được nuôi ăn bán trú tại trường. Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc tính khẩu phần ăn trên phần mềm quản lý dinh dưỡng PMS. Khẩu phần ăn của trẻ được đảm bảo cân đối về chất và đủ về lượng, phù hợp với tâm sinh lý trẻ từng độ tuổi, phù hợp theo mùa và điều kiện của địa phương.

2.6. Tiêm chủng phòng bệnh trong các chiến dịch tại trường

Nhà trường chỉ đạo giáo viên tuyên truyền với các bậc cha mẹ cho trẻ tiêm chủng đầy đủ đúng quy định để đảm bảo phòng chống các dịch bệnh truyền nhiễm.

2.7. Quản lý sổ theo dõi sức khỏe học sinh

- Tổng số trẻ có sổ theo dõi sức khỏe: 460 trẻ
- Số theo dõi sức khỏe trẻ và sổ theo dõi tổng hợp tình trạng sức khỏe của trẻ được cập nhật thông tin thường xuyên về sức khỏe: 460/460 trẻ, tỷ lệ 100%.
- Tổng số trẻ được thông báo về tình trạng sức khỏe cho gia đình/người giám hộ 460 trẻ

Nhận xét:

Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc tổ chức khám sức khỏe ít nhất 1 lần/năm học, tổ chức cân đo theo dõi sự phát triển của trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng của tổ chức y tế thế giới WHO theo quý. Thông tin về tình trạng sức khỏe của trẻ được cập nhật thường xuyên đầy đủ trong sổ theo dõi sức khỏe của trẻ và được thông báo về cho gia đình trẻ để có hướng giải quyết phù hợp với những cháu gặp nguy cơ về sức khỏe.

2.8. Kết quả chủ động triển khai các biện pháp vệ sinh phòng bệnh

TT	Nội dung	Số lượt	Ghi chú
1	Tổng vệ sinh trường lớp	35	
2	Phun hóa chất diệt côn trùng	20	
3	Vệ sinh khử trùng đồ chơi, đồ dùng học tập	50	
4	Vệ sinh nhà ăn, nhà bếp	20	
5	Vệ sinh nguồn nước	8	
6	Thu gom, xử lý rác thải	70	
7	Khác (ghi rõ)		

Nhận xét: Nhà trường đã thực hiện tốt công tác vệ sinh phòng bệnh. Nhà trường đã lên kế hoạch lao động vệ sinh có lịch và thời gian cụ thể, thường xuyên theo dõi và nhắc nhở giáo viên, nhân viên trong trường thực hiện tốt theo đúng kế hoạch. Hàng quý, nhà trường đã thực hiện việc phun thuốc khử trùng toàn bộ trong và ngoài lớp học. Trong thời gian đón trẻ học tại trường, các giáo viên thực hiện thường xuyên việc khử trùng đồ chơi, đồ dùng học tập, những nơi trẻ có thể cầm nắm tay... ngoài ra nhà trường làm tốt việc xử lý rác thải, 100% rác thải được xử lý ngay trong ngày, tuyệt đối không để ngày hôm sau.

2.9. Triển khai các chương trình y tế và phong trào vệ sinh phòng bệnh

TT	Nội dung	Có	Không	Ghi chú
1	Phòng chống HIV/AIDS	x		
2	Phòng chống tai nạn thương tích	x		
3	Phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm	x		
4	Phòng chống suy dinh dưỡng	x		
5	An toàn thực phẩm	x		

6	Phòng chống thuốc lá	x		
7	Phòng chống rượu bia	x		
8	Xây dựng Trường học nâng cao sức khỏe	x		
9	Khác (<i>ghi rõ</i>)			

Nhận xét: Nhà trường đã triển khai các chương trình y tế và phong trào vệ sinh phòng bệnh theo đúng quy định

2.10. Báo cáo kết quả kinh phí dành cho công tác y tế trường học

TT	Nội dung	Số tiền		Ghi chú
1	Tổng số kinh phí	39.373.000		
2	Nguồn NSNN	39.373.000	0	
3	Nguồn bảo hiểm y tế học sinh	0	0	
4	Nguồn kinh phí khác	0	0	

Nhận xét: Nhà trường có bố trí nguồn kinh phí chăm sóc sức khỏe cho trẻ và sử dụng đúng mục đích.

III. Hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe

3.1. Biên soạn tài liệu, nội dung truyền thông phù hợp với tình hình dịch bệnh của địa phương: Có Không

3.2. Có góc truyền thông giáo dục sức khỏe: Có Không

3.3. Tổ chức truyền thông, giáo dục sức khỏe

TT	Nội dung	Số lượt	Số người	Ghi chú
1	Phòng chống dịch, bệnh truyền nhiễm	7	341	
2	Phòng chống ngộ độc thực phẩm	5	267	
3	Dinh dưỡng hợp lý	10	255	
4	Hoạt động thể lực nâng cao sức khỏe	5	287	
5	Phòng chống tác hại thuốc lá	3	239	
6	Phòng chống tác hại rượu bia	2	221	
7	Phòng chống bệnh, tật học đường	5	185	
8	Chăm sóc răng miệng	10	195	
9	Phòng chống các bệnh về mắt	7	187	
10	Phòng chống tai nạn thương tích	10	186	
11	Khác (<i>ghi rõ</i>)			

Nhận xét: Nhà trường đã tổ chức tốt các buổi truyền thông, giáo dục sức khỏe trong năm học, tuy nhiên hình thức tuyên truyền chưa phong phú.

IV. Bảo đảm điều kiện chăm sóc sức khỏe

T T	Nội dung	Có	Không	Ghi chú
1	Phòng y tế trường học	x		
2	Phòng y tế có đủ điều kiện chăm sóc SK học sinh	x		
3	Có sổ khám bệnh	x		
4	Có sổ theo dõi sức khỏe học sinh	x		
5	Có sổ theo dõi tổng hợp tình trạng sức khỏe học sinh	x		
6	Nhân viên y tế trường học	x		

Nhận xét: Nhà trường có nhân viên y tế trường học, bảo đảm các điều kiện về phòng y tế, có sổ khám bệnh, sổ theo dõi sức khỏe học sinh, sổ theo dõi tổng hợp tình trạng sức khỏe học sinh được cập nhật thường xuyên, đầy đủ và đúng thời gian quy định.

V. Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm theo quy định

TT	Nội dung	Đạt	Không đạt	Ghi chú
1	Điều kiện về phòng học	x		
2	Điều kiện về bàn ghế	x		
3	Điều kiện về bảng phòng học	x		
4	Điều kiện về chiếu sáng	x		
5	Điều kiện về thiết bị, đồ chơi trẻ em	x		
6	Điều kiện về nước ăn uống	x		
7	Điều kiện về nước sinh hoạt	x		
8	Điều kiện về công trình vệ sinh	x		
9	Điều kiện về thu gom, xử lý chất thải	x		
10	Điều kiện về an toàn thực phẩm	x		

Nhận xét: Nhà trường đã bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm theo quy định

VI. Bảo đảm môi trường thực thi chính sách và xây dựng các mối quan hệ xã hội trong trường học, liên kết cộng đồng

TT	Nội dung	Có	Không	Ghi chú
1	Ban chăm sóc sức khỏe học sinh có phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên và tổ chức họp tối thiểu 01 lần/học kỳ	x		

2	Có các quy định để thực hiện các chính sách, chế độ chăm sóc sức khỏe học sinh	x		
3	Xây dựng mối quan hệ tốt giữa thầy cô giáo với học sinh và học sinh với học sinh	x		
4	Xây dựng mối liên hệ giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng trong chăm sóc sức khỏe học sinh để giúp đỡ, hỗ trợ	x		

Nhận xét: Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã ra Quyết định thành lập Ban chăm sóc sức khỏe trẻ có phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên và tổ chức họp tối thiểu 01 lần/học kỳ, có các quy định để thực hiện các chính sách, chế độ chăm sóc sức khỏe trẻ, có mối quan hệ tốt giữa cô giáo với trẻ và trẻ với trẻ, có mối liên hệ giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng trong chăm sóc sức khỏe trẻ để giúp đỡ, hỗ trợ.

VII. Đánh giá công tác y tế trường học

- Tự đánh giá kết quả thực hiện công tác y tế trường học theo mẫu quy định tại Thông tư liên tịch số 13/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016:

Có Không

Tổng điểm: 99,5 điểm

Xếp loại: Tốt Khá Trung bình Không đạt

- Đánh giá của cơ quan quản lý: Có Không

Tổng điểm: điểm

Xếp loại: Tốt Khá Trung bình Không đạt

Nhận xét chung:

Năm học 2025-2026, nhà trường làm tốt công tác y tế trường học đảm bảo tốt các điều kiện chăm sóc sức khỏe cho trẻ.

Kiến nghị:

Đề nghị với các cấp lãnh đạo luôn quan tâm tạo điều kiện bổ sung cho nhà trường về trang thiết bị y tế để phục vụ cho việc chăm sóc trẻ.

Trên đây là Báo cáo công tác y tế trường học của Trường mầm non Duy Minh năm học 2025-2026./.

Lãnh đạo nhà trường

(Ký, đóng dấu)



Nhân viên y tế

(Ký, ghi rõ họ tên)

Manh

Nguyễn Đức Mạnh

